

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2025

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Hoàng Hương Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lê Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H năm 1970. Có đơn xin xét xử vắng mặt
 - Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T năm 1969. Có đơn xin xét xử vắng mặt
- Cùng nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 05/02/2025, bản tự khai ngày 04/3/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H1 trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh T1 kết hôn với nhau vào ngày 12/12/1988 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Nghệ An. Do lâu ngày nên giấy chứng nhận kết hôn bị mất. Qua nhiều năm sinh sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân cách đây 4 năm, nguyên nhân là do vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp được. Nay tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được bà xin ly hôn ông Nguyễn Minh T1

Quá trình chung sống bà và ông T2 03 con chung là Nguyễn Thị P ngày 03/4/1991; Nguyễn Thị P1 sinh ngày 07/02/1992 và Nguyễn D P2 sinh ngày 10/8/1994. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và đã có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 04/3/2025 bị đơn ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà H2 thời gian, địa điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Họ tên, ngày tháng năm sinh của các con chung. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H3 con chung đã trưởng thành ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã T7: Năm 1988 ông Nguyễn Minh T3 bà Lê Thị H4 sống với nhau. Theo sổ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã T có thông tin kết hôn của ông T3 bà HTại thời điểm xác minh, ông T3 bà H5 đăng ký kết hôn với ai khác. Quá trình chung sống ông T3 bà H6 03 con chung là Nguyễn Thị P ngày 03/4/1991; Nguyễn Thị P1sinh ngày 07/02/1992 và Nguyễn D P2sinh ngày 10/8/1994. Giữa ông T3 bà H6 mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được vì không ai yêu cầu hòa giải cơ sở. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông T4 phương không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS năm 2015.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 31/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị H7 ông Nguyễn Minh T5 vợ chồng.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị H1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Minh T1, tuy nhiên các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giữa bà H7 ông T không có đăng ký kết hôn, đây là vụ án “Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 BLTTDS 2015.

Ông Nguyễn Minh T1 có nơi thường trú tại thôn G, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử cho các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Lê Thị H1, bị đơn ông Nguyễn Minh T6

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của đương sự, kết quả xác minh tại UBND xã T7 xác định thời điểm bà H7 ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ thời điểm năm 1988 đến thời điểm hiện nay, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chỉ làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Việc chung sống với nhau là tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, đã sống ly thân 4 năm nay. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vì tình cảm với ông T không còn, ông T cũng đồng ý. Căn cứ các Điều 14, 15, 51, 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố bà Lê Thị H7 ông Nguyễn Minh T1 không phải là vợ chồng.

[2.2] Về con chung:

Các con chung Nguyễn Thị P ngày 03/4/1991; Nguyễn Thị P1 sinh ngày 07/02/1992 và Nguyễn D P2 sinh ngày 10/8/1994 đã đủ tuổi trưởng thành không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, Điều 15, Điều 51; Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H1

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị H7 ông Nguyễn Minh T5 vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung Nguyễn Thị P ngày 03/4/1991; Nguyễn Thị P1 sinh ngày 07/02/1992 và Nguyễn D P2 sinh ngày 10/8/1994 đã đủ tuổi trưởng thành.

3. Về tài sản: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 040170007027, mã tham chiếu G22.99.7-250304831468 ngày 04/3/2025 nộp tại kho bạc nhà nước huyện Quỳnh Lưu số TK 3949.0.1047949.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 53 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị H7 bị đơn ông Nguyễn Minh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Tân Sơn;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ

